|  |  |
| --- | --- |
| Ngày dạy: | Ngày soạn: |

Tiết theo KHBD:

**BÀI 4: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết được thừa số, tích trong phép nhân; số bị chia, số chia, số dư trong phép chia hết và phép chia có dư.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng, phép trừ.

- Nhận biết được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân (dấu “x” hoặc dấu “.”)

- Phân biệt được phép chia hết và phép chia có dư.

- Thực hiện được phép tính nhân hai số tự nhiên có nhiều chữ số, chia hai số tự nhiên bằng cách đặt tính.

- Vận dụng được tính chất của phép nhân để tính hợp lí.

- Vận dụng được phép nhân, phép chia số tự nhiên để giải quyết một số bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**2. Về năng lực**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu, nhận biết được thừa số, tích trong phép nhân; số bị chia, số chia, số dư trong phép chia hết và phép chia có dư. HS phát biểu được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân (dấu “x” hoặc dấu “.”). HS phát biểu bằng lời và viết được công thức tổng quát các tính chất của phép nhân. HS trình bày được các bước đặt tính khi thực hiện phép nhân hai số có nhiều chữ số và phép chia hai số tự nhiên.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để sử dụng linh hoạt các kí hiệu của phép tính nhân  tùy hoàn cảnh cụ thể; tìm được tích của hai thừa số, tìm được thương và số dư (nếu có) của một phép chia; vận dụng được các tính chất của phép nhân và phép cộng trong tính toán; giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn đơn giản.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng có chia đơn vị, bảng phụ, máy chiếu, tranh ảnh minh họa.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng có chia đơn vị, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ vào bài mới.

- Củng cố cho HS công thức tính diện tích hình chữ nhật đã học ở tiểu học.

**b) Nội dung:**

- HS quan sát một tình huống được xây dựng dựa trên bài toán mở đầu (SGK trang 18) (GV giao nhiệm vụ cho 1 nhóm HS luyện tập đóng hoạt cảnh trước ở nhà): Bác An có một thửa ruộng có dạng hình chữ nhật với chiều rộng là  và chiều dài là . Năm vừa rồi, thửa ruộng nhà bác An bị mất mùa nghiêm trọng nên năm nay, bác muốn chia thửa ruộng đó thành bốn phần bằng nhau để gieo trồng những giống lúa mới với hi vọng sẽ tìm ra giống lúa có chất lượng và sản lượng tốt hơn. Bác An dự tính sẽ thử nghiệm bốn giống gạo khác nhau: giống gạo Thơm thái dẻo mềm vừa phải và rất thơm; giống gạo Bắc Hương có độ dẻo nhiều và độ dính cao; giống gạo Tám Xoan có mùi thơm dịu và rất tự nhiên; giống gạo ST25 được mệnh danh là loại gạo ngon nhất thế giới. Các em học sinh hãy giúp bác An tính diện tích mỗi phần ruộng sau khi chia là bao nhiêu mét vuông nhé.

- GV yêu cầu HS nêu các phép tính cần sử dụng để giải quyết được bài toán này.

**c) Sản phẩm:**

- Các phép tính cần thực hiện để giải quyết bài toán mở đầu

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát hoạt cảnh và nêu tóm tắt bài toán mà tình huống đặt ra.  - GV chiếu tóm tắt bài toán mở đầu và đặt câu hỏi cho HS: Theo em, để làm được bài toán trên, ta cần sử dụng các phép tính gì ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát tình huống và nêu tóm tắt bài toán.  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 HS nêu tóm tắt bài toán mà tình huống đặt ra.  - GV gọi 1 - 2 HS trả lời các phép tính cần sử dụng để giải quyết bài toán.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài: Để giải quyết bài toán này, ta cần sử dụng đến phép nhân và phép chia các số tự nhiên. Vậy kết quả của bài toán này là gì; phép nhân và phép chia các số tự nhiên được thực hiện như thế nào, có tính chất ra sao, chúng ta cùng ôn tập lại trong tiết học hôm nay. | **Bài toán mở đầu:** Một thửa ruộng có dạng hình chữ nhật với chiều rộng là  và chiều dài là . Người ta chia thửa ruộng đó thành bốn phần bằng nhau để gieo trồng những giống lúa khác nhau. Diện tích mỗi phần là bao nhiêu mét vuông? |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Nhân hai số có nhiều chữ số** (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được thừa số, tích trong phép nhân.

- HS ghi nhớ quy ước dấu của phép nhân ở cấp THCS.

- HS thực hiện được phép nhân hai số tự nhiên có nhiều chữ số.

**b) Nội dung:**

- HS chỉ ra được các thừa số và tích trong công thức tổng quát của phép nhân hai số tự nhiên 

- Nêu được quy ước dấu của phép nhân ở cấp THCS và lấy được các ví dụ tương ứng.

- HS thực hiện hoạt động 1 (SGK trang 18) theo nhóm đôi.

- HS hoạt động cá nhân thực hiện ví dụ 1, áp dụng 1 (SGK trang 19).

**c) Sản phẩm:**

- HS sử dụng linh hoạt các kí hiệu của phép tính nhân  tùy hoàn cảnh cụ thể

- Kết quả thực hiện hoạt động 1 (SGK trang 18). HS nhớ lại cách đặt tính để thực hiện phép nhân hai số tự nhiên.

- Kết quả thực hiện ví dụ 1, áp dụng 1 (SGK trang 19). HS thực hiện thành thạo phép chia hết bằng cách đặt tính.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  GV nêu câu hỏi: Trong phép tính nhân các số tự nhiên . Khi đó  và  được gọi là gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - GV gọi 1 HS trả lời câu hỏi.  - HS dưới lớp lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - GV nhận xét câu trả lời của HS. GV chốt: Trong phép nhân  thì  là thừa số,  là thừa số và kết quả phép nhân được gọi tích (số). | **I. Phép nhân**  **a) Phép nhân các số tự nhiên**  *a*  x *b = c*  Thừa số Thừa số Tích |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV yêu cầu HS đọc quy ước (SGK trang 18)  - GV hướng dẫn và yêu cầu HS lấy ví dụ mỗi quy ước.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HS nghiên cứu quy ước (SGK trang 18) và lấy được ví dụ tương ứng.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV gọi 2 HS lấy ví dụ cho mỗi quy ước.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV nhận xét câu trả lời của HS. GV chốt lại hai quy ước như SGK trang 18.  - GV lưu ý thêm HS nếu trong phép nhân có từ hai số tự nhiên trở lên thì bắt buộc phải có dấu nhân giữa các thừa số, ví dụ: | **b) Quy ước**  - Trong một tích, ta có thể thay dấu “x” bằng dấu chấm “.”  VD:  - Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không cần viết dấu nhân giữa các thừa số.  VD: , |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi (2 HS cùng bàn một nhóm), thực hiện hoạt động 1 (SGK trang 18): tính . Thời gian hoạt động nhóm: 2 phút. Yêu cầu các nhóm khi lên trình bày nêu rõ các bước làm khi đặt tính.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  **-** HS hoạt động nhóm đôi để thực hiện hoạt động 1 (SGK trang 18).  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi thực hiện thao tác đặt tính chia.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện (nếu có)  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện (nếu có).  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả hoạt động 1.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS.  - GV chốt: Các bước thực hiện đặt tính để tính tích của 2 số có nhiều chữ số. | **1. Nhân hai số có nhiều chữ số**  ***a) Hoạt động 1(SGK trang 18)*** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân để hoàn thành ví dụ 1 và vận dụng 1 (SGK trang 19)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS hoạt động cá nhân làm ví dụ 1 và vận dụng 1 (SGK trang 19)  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm bài.  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm trên bảng và đổi vở kiểm tra chéo bài làm trong vở của nhau.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV nhận xét và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV chốt, chuyển ý: Để thực hiện phép tính nhân hai số có nhiều chữ số ta có thể đặt tính để tính các tích. Vậy phép tính nhân có các tính chất như thế nào chúng ta cùng sang phần tiếp theo của tiết học. | ***b) Ví dụ 1 (SGK trang 19)***    ***c) Áp dụng 1 (SGK trang 19)*** |

**Hoạt động 2.2: Tính chất của phép nhân** (23 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS củng cố lại các tính chất của phép nhân: giao hoán, kết hợp, nhân với 1, phân phối đối với phép cộng và phép trừ.

- HS vận dụng các tính chất của phép nhân vào bài tập tính hợp lí và bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- GV cho HS hoạt động nhóm. Từ đó, HS rút ra được các tính chất của phép nhân các số tự nhiên.

- HS phân tích các tính chất trong ví dụ 2 (SGKtrang 19).

- HS thực hiện vận dụng 2 (SGK trang 19)

- HS thực hiện vận dụng 3 (SGK trang 19)

**c) Sản phẩm:**

- HS trình bày được các tính chất của phép nhân các số tự nhiên.

- Tìm hiểu được ví dụ 2 (SGKtrang 19), kết quả thực hiện vận dụng 2 (SGK trang 19). HS biết cách áp dụng tính chất của phép nhân vào bài toán tính hợp lí.

- Kết quả thực hiện vận dụng 3 (SGK trang 19). HS biết cách áp dụng tính chất của phép nhân vào bài toán có yếu tố thực tế.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV treo bảng phụ các câu hỏi và chia lớp thành 9 nhóm (4-5 HS/nhóm).  + Thời gian HĐ nhóm: 3 phút  + Phân công nhiệm vụ các nhóm:  \* Nhóm 1,2,3 làm H1:  H1: Cho  và .  Tính  và  và so sánh hai kết quả. Từ đó em rút ra nhận xét gì?  \* Nhóm 4,5,6 làm H2:  H2: Tìm số tự nhiên  sao cho . Nêu nhận xét?  \* Nhóm 7, 8, 9 làm H3.  H3: Tính và so sánh  và .  - GV hỏi HS: Từ hoạt động nhóm trên, em hãy nêu các tính chất của phép nhân các số tự nhiên ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS làm việc theo nhóm GV đã chia, trình bày vào bảng phụ.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi hoạt động.  - Sau khi HĐ nhóm, HS suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV: nêu các tính chất của phép nhân các số tự nhiên.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - GV yêu cầu đại diện 3 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện (nếu có).  - HS các nhóm khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện (nếu có)  - Đáp án HĐ nhóm:  H1: . Đây là tính chất giao hoán trong phép nhân.  H2: . Nhận xét  H3.  - GV gọi 2 HS phát biểu các tính chất của phép nhân các số tự nhiên.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - Gv chốt các tính chất của phép nhân số tự nhiên như SGK trang 19.  - GV lưu ý cho HS: Do tính chất kết hợp nên giá trị của biểu thức  có thể được tính theo một trong hai cách sau:  hoặc . | **2. Tính chất của phép nhân**  **a) Tính chất**  \* Phép nhân các số tự nhiên có các tính chất sau:  - Giao hoán:  - Kết hợp:  - Nhân với 1:  - Phân phối đối với phép cộng và phép trừ:      \* Do tính chất kết hợp nên giá trị của biểu thức  có thể được tính theo một trong hai cách sau:  hoặc . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV yêu cầu HS nghiên cứu ví dụ 2 (SGK trang 19) chỉ ra được tính chất nào của phép nhân được sử dụng trong mỗi câu.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HS nghiên cứu VD 2 (SGK trang 19) và chỉ ra các tính chất của phép nhân được sử dụng trong từng bước làm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV gọi 2 HS trả lời. HS dưới lớp lắng nghe, nhận xét.  - Đáp án: Ở ví dụ 2:  a) Sử dụng tính chất kết hợp  b) Sử dụng tính chất phân phối đối với phép cộng.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - GV chú ý HS: Cần lựa chọn sử dụng tính chất của phép nhân cho phù hợp để việc tính toán được nhanh chóng, chính xác. |  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân để hoàn thành vận dụng 2 (SGK trang 19)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS hoạt động cá nhân làm vận dụng 2 (SGK trang 19)  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm bài.  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm trên bảng và đổi vở kiểm tra chéo bài làm trong vở của nhau.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **b) Áp dụng**  ***Vận dụng 2 (SGK trang 19)***  Tính một cách hợp lí |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi (2 HS cùng bàn một nhóm), thực hiện vận dụng 3 (SGK trang 19). Thời gian hoạt động nhóm: 2 phút.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  **-** HS hoạt động nhóm đôi để thực hiện vận dụng 3 (SGK trang 19).  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện (nếu có)  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện (nếu có).  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS.  - GV chú ý HS phải đổi về cùng một đơn vị khi làm bài. | ***Vận dụng 3 (SGK trang 19)***  Số gam thức ăn cho đàn gà trong 10 ngày là:    Đổi  Vậy gia đình đó cần số ki – lô – gam thức ăn cho đàn gà trong 10 ngày là 84kg. |

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ôn lại cách đặt tính để tính tích và các tính chất của phép nhân các số tự nhiên.

- BTVN: Làm bài 1; 2; 3 (SGK trang 21)

- Chuẩn bị bài tiết sau: đọc trước nội dung mục II: Phép chia.

**Tiết 2**

**Hoạt động 2.3: Phép chia hết** (17 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được số bị chia, số chia, thương trong phép chia hết một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0.

- Củng cố cho HS cách đặt tính để thực hiện phép chia hai số tự nhiên.

- Vận dụng phép chia hết của số tự nhiên để giải được bài toán có nội dung thực tiễn.

**b) Nội dung:**

- HS chỉ ra được số bị chia, số chia, thương và mối liên hệ giữa các đại lượng trên trong công thức tổng quát của phép chia hai số tự nhiên 

- HS thực hiện hoạt động 3 (SGK trang 20) theo nhóm đôi.

- HS hoạt động cá nhân thực hiện ví dụ 3, áp dụng 4 (SGK trang 20).

- HS hoạt động cá nhân làm bài tập 4 (SGK trang 21)

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện hoạt động 3, HS nhớ lại cách đặt tính để thực hiện phép chia hai số tự nhiên.

- Kết quả thực hiện ví dụ 3, áp dụng 4 (SGK trang 20). HS thực hiện thành thạo phép chia hết bằng cách đặt tính.

- Kết quả thực hiện bài tập 4 (SGK trang 21). HS biết cách vận dụng phép chia hết của số tự nhiên để giải được bài toán có nội dung thực tiễn

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV nêu yêu cầu: Ở tiểu học, ta đã biết phép chia hết một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0 có dạng.  + Em hãy cho biết các số  trong công thức trên được gọi là gì ?  + Khi đó, các số  được tính theo công thức nào ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  **-** HS quan sát công thức tổng quát  và trả lời các câu hỏi của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  **-** GV yêu cầu 2 HS trả lời câu hỏi. HS dưới lớp lắng nghe câu trả lời và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  **-** GV nhận xét câu trả lời của HS. GV chốt lại bằng nội dung chú ý (SGK trang 19). | **II. Phép chia**  **1. Phép chia hết**  **a) Khái niệm**  *a : b = q*  Số bị chia Số chia Thương  ***Chú ý (SGK trang 19):*** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi (2 HS cùng bàn một nhóm), thực hiện hoạt động 3 (SGK trang 20): tính . Thời gian hoạt động nhóm: 2 phút. Yêu cầu các nhóm khi lên trình bày nêu rõ các bước làm khi đặt tính.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  **-** HS hoạt động nhóm đôi để thực hiện hoạt động 3 (SGK trang 20).  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi thực hiện thao tác đặt tính chia.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện (nếu có)  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện (nếu có).  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa kết quả hoạt động 3.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | **b) Thực hiện phép tính**  ***HĐ3 (SGK trang 20)***  *2795 215*  *645 13*  *0*  \* Lấy  chia cho  được viết  Lấy  nhân  được  lấy  trừ đi  được viết  \* Hạ chữ số  được  Lấy  chia cho  được viết  Lấy  nhân  được lấy  trừ đi  được viết  Vậy |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân để hoàn thành ví dụ 3 và vận dụng 4 (SGK trang 20)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS hoạt động cá nhânlàm ví dụ 3 và vận dụng 4 (SGK trang 20)  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm bài.  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm trên bảng và đổi vở kiểm tra chéo bài làm trong vở của nhau.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | ***Ví dụ 3 (SGK trang 20)***  *14 732 116*  *313 127*  *812*  *0*  Vậy  ***Vận dụng 4 (SGK trang 20)***  *139 004 236*  *2100 589*  *2124*  *0*  Vậy |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - GV hỏi HS: Em biết gì về dung dịch Oresol ? Dung dịch Oresol có tác dụng như thế nào và thường sử dụng cho các bệnh nhân bị bệnh gì ?  - GV: Để biết được mỗi lần sử dụng, ta cần dùng bao nhiêu gói Oresol, các em hãy hoàn thành bài tập 4 (SGK trang 21).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS trả lời câu hỏi nêu hiểu biết về dung dịch Oresol.  - HS nêu yêu cầu và hoạt động cá nhân làm bài 4 (SGK trang 21).  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV gọi 2 HSnêu hiểu biết về dung dịch Oresol và 1 HS nêu yêu cầu bài 4.  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài 4 (SGK trang 21).  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV nhận xét và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV chú ý HS cần đổi các đại lượng về cùng một đơn vị khi làm bài.  - GV tích hợp giáo dục HS về vai trò của dung dịch Oresol trong việc hỗ trợ điều trị bệnh nhân khi cơ thể bị mất nước. GV lưu ý HS liều lượng Oresol sử dụng có sự khác nhau giữa người lớn và trẻ em. | **c) Vận dụng**  ***Bài 4 (SGK trang 21)***  Hướng dẫn cách dùng thuốc bù điện giải Oresol an toàn  Đổi  Bệnh nhân đó cần dùng số gói Oresol là:  (gói)  Đáp số:  gói |

**Hoạt động 2.4: Phép chia có dư** (17 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố cho HS về phép chia hai số tự nhiên có dư, HS nêu được mối quan hệ giữa số bị chia, số chia, thương, số dư.

- HS biết cách đặt tính để tìm thương và số dư của phép chia.

- Vận dụng phép chia có dư của số tự nhiên để giải được bài toán có nội dung thực tiễn.

**b) Nội dung:**

- HS thực hiện hoạt động 4. Từ đó, HS rút ra công thức về mối quan hệ giữa số bị chia, số chia, thương, số dư.

- HS hoạt động cá nhân thực hiện ví dụ 4 và áp dụng 5 (SGK trang 20)

- HS hoạt động nhóm 4 làm bài tập 5 (SGK trang 21)

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thưc hiện hoạt động 4 (SGK trang 20) . HS rút ra chú ý (SGK trang 20) về mối quan hệ giữa số bị chia, số chia, thương, số dư.

- Kết quả thưc hiện ví dụ 4 và hoạt động 5 (SGK trang 20). HS thực hiện thành thạo phép chia có dư bằng cách đặt tính.

- Kết quả thực hiện bài tập 5 (SGK trang 21). HS biết cách vận dụng phép chia có dư của số tự nhiên để giải được bài toán có nội dung thực tiễn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân để hoàn thành hoạt động 4 (SGK trang 20).  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:  + Phép chia này là phép chia gì ? Xác định số bị chia, số chia, thương, số dư trong phép chia đó ?+ So sánh số dư và số chia ? Số bị chia 236 được tính theo công thức nào ?  - Từ đó, GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập sau:   |  | | --- | | ***? Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:***  Cho hai số tự nhiên*a* và  với  Khi đó luôn tìm được đúng hai số tự nhiên  và sao cho , trong đó .  Khi , ta có phép chia ........  Khi , ta có phép chia ........ Ta nói: *a* chia cho  được thương là .......... và số dư là ........  Kí hiệu: (dư ........) |   - GV khẳng định: Nội dung bài tập điền khuyết cũng chính là nội dung trọng tâm kiến thức và chú ý trong SGK trang 20 về mối quan hệ giữa số bị chia, số chia, thương và số dư. GV yêu cầu 2 HS phát biểu lại.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động cá nhân làm hoạt động 4(SGK trang 20) và trả lời các câu hỏi, làm bài tập điền khuyết của GV.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát, hỗ trợ HS khi làm bài.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng làm hoạt động 4.  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm trên bảng.  - GV gọi 2 HS trả lời câu hỏi thêm của GV.  - GV gọi 1 HS lên bảng làm bài tập điền khuyết trên bảng phụ.  - GV gọi 2 HS phát biểu lại nội dung trọng tâm kiến thức và chú ý (SGK trang 20)  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét,đánh giá bài làm của HS.  - GV chốt lại: Phép chia hai số tự nhiên có hai loại: phép chia hết và phép chia có dư. Số bị chia bằng thương nhân với số chia cộng số dư. Khi số dư bằng 0, ta được một phép chia hết. Khi số dư khác 0, ta được phép chia có dư. Trong phép chia có dư, số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia. | **2. Phép chia có dư**  **a) Ví dụ**  ***Hoạt động 4 (SGK trang 20)***  *236 12*  *116 19*  *8*  Vậy  (dư ).  Tức là:  **b) Tổng quát (SGK trang 20)**  *a = b . q + r*  *Số Số Thương Số dư*  *bị chia chia*  Trong đó:  Khi , ta có phép chia hết.  Khi  ta có phép chia có dư.  Kí hiệu:  (dư ) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  -GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân để hoàn thành ví dụ 4 và vận dụng 5 (SGK trang 20)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS hoạt động cá nhân làm ví dụ 4 và vận dụng 5 (SGK trang 20)  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm bài.  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm trên bảng và đổi vở kiểm tra chéo bài làm trong vở của nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **c) Áp dụng**  ***Ví dụ 4 (SGK trang 20)***    Vậy  (dư ).  ***Vận dụng 5 (SGK trang 20)***    Vậy  (dư ). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  -GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 bằng kĩ thuật khăn trải bàn để làm bài tập 5 (SGK trang 21) trong thời gian 3 phút.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS hoạt động nhóm 4 bằng kĩ thuật khăn trải bàn để làm bài tập 5 (SGK trang 21).  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi hoạt động.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện (nếu có).  - HS các nhóm khác quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện (nếu có)  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả bài tập 5.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | ***Bài 5 (SGK trang 21)***  Vì  (dư ) nên xếp đủ  xe thì còn thừa  người. Do vậy cần thêm  xe nữa để chở  người này.  Vậy cần dùng ít nhất là:  (xe) |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (8 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng phép nhân và phép chia các số tự nhiên để thực hiện phép tính và giải quyết bài toán thực tiễn mở đầu.

**b) Nội dung:**

- HS làm bài tập bổ sung và trả lời câu hỏi mở đầu (SGK trang 18)

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện bài tập bổ sung và trả lời câu hỏi mở đầu (SGK trang 18).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài tập bổ sung:  ***Bài tập bổ sung:*** Tính một cách hợp lí:        **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  **-** HS hoạt động cá nhân làm bài tập bổ sung.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV có thể gợi ý HS câu a tách .  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV gọi 3 HS lên bảng làm bài.  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **III. Luyện tập**  ***Bài tập bổ sung*** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi mở đầu (SGK trang 18)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  **-** HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi mở đầu.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV yêu cầu HS nhắc lại công thức tính diện tích hình chữ nhật ?  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV gọi 1 HS lên bảng làm bài.  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV: Ta có thể vận dụng linh hoạt phép nhân và phép chia các số tự nhiên để giải quyết các bài toán thực tiễn đơn giản. | ***Bài toán mở đầu***  Diện tích cả thửa ruộng hình chữ nhật là:    Khi chia thửa ruộng thành bốn phần bằng nhau thì diện tích mỗi phần ruộng là:    Đáp số: |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (3 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng phép nhân, phép chia số tự nhiên để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

- Giao nhiệm vụ tự học cho HS.

**b) Nội dung:**

- Giải quyết bài toán thực tiễn.

- Thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ 1:**

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 ngoài giờ học giải quyết bài toán thực tiễn:

Cho biết nền của một lớp học là một hình chữ nhật có chiều dàivà chiều rộng .

1. Để lát kín nền cần sử dụng bao nhiêu viên gạch hình vuông có cạnh dài (chỉ dùng những viên gạch nguyên vẹn và coi mạch vữa không đáng kể)?
2. Cho biết mỗi thùng gạch bao gồm  viên gạch. Cần mua ít nhất bao nhiêu thùng gạch để lát kín nền của lớp học ?
3. Biết rằng giá của mỗi thùng gạch là  đồng. Ta cần chi bao nhiêu tiền để mua số thùng gạch trên ?

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ 2: Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.**

- Ghi nhớ tính chất của phép nhân các số tự nhiên, cách đặt tính để thực hiện phép nhân, phép chia số tự nhiên.

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Làm bài tập: 6; 7; 8 (SGK trang 21)

- Chuẩn bị bài mới: đọc trước nội dung bài 5: Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.